

Biểu mẫu 05

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

UBND QUẬN GÒ VẤP
TRƯỜNG TIỂU HỌC HOÀNG VĂN THỤ

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của trường tiểu học
Năm học 2023 - 2024

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Điều kiện tuyển sinh	- Sinh năm 2017 - Có giấy báo nhập học của PGD	Học sinh được đánh giá kết quả giáo dục lớp 1 đạt một trong ba mức: Hoàn thành xuất sắc, Hoàn thành tốt, Hoàn thành.	Học sinh được đánh giá kết quả giáo dục lớp 1 đạt một trong ba mức: Hoàn thành xuất sắc, Hoàn thành tốt, Hoàn thành.	Học sinh được đánh giá kết quả giáo dục lớp 1 đạt một trong ba mức: Hoàn thành xuất sắc, Hoàn thành tốt, Hoàn thành.	- Năng lực: Đạt - Phẩm chất: Đạt - Các môn học và hoạt động giáo dục: Hoàn thành
II	Chương trình giáo dục mà nhà trường thực hiện	Chương trình phổ thông 2018	Chương trình phổ thông 2018	Chương trình phổ thông 2018	Chương trình phổ thông 2018	Chương trình của BGD&ĐT
III	Yêu cầu về phối hợp giữa nhà trường và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Thực hiện tốt thông tin 2 chiều: Thông qua trao đổi trực tiếp, sổ liên lạc, điện thoại hoặc Email giữa nhà trường, GVCN với CMHS. - Tích cực	- Thực hiện tốt thông tin 2 chiều: Thông qua trao đổi trực tiếp, sổ liên lạc, điện thoại hoặc Email giữa nhà trường, GVCN với CMHS. - Tích cực	- Thực hiện tốt thông tin 2 chiều: Thông qua trao đổi trực tiếp, sổ liên lạc, điện thoại hoặc Email giữa nhà trường, GVCN với CMHS. - Tích cực	- Thực hiện tốt thông tin 2 chiều: Thông qua trao đổi trực tiếp, sổ liên lạc, điện thoại hoặc Email giữa nhà trường, GVCN với CMHS. - Tích cực	- Thực hiện tốt thông tin 2 chiều: Thông qua trao đổi trực tiếp, sổ liên lạc, điện thoại hoặc Email giữa nhà trường, GVCN với CMHS. - Tích cực
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở trường	HS được tham gia các hoạt động giáo dục NGLL, giáo dục kỹ năng sống; hoạt động trải nghiệm, ngoại khóa; tham gia các cuộc thi dành cho học sinh tiểu học	HS được tham gia các hoạt động giáo dục NGLL, giáo dục kỹ năng sống; hoạt động trải nghiệm, ngoại khóa; tham gia các cuộc thi dành cho học sinh tiểu học	HS được tham gia các hoạt động giáo dục NGLL, giáo dục kỹ năng sống; hoạt động trải nghiệm, ngoại khóa; tham gia các cuộc thi dành cho học sinh tiểu học	HS được tham gia các hoạt động giáo dục NGLL, giáo dục kỹ năng sống; hoạt động trải nghiệm, ngoại khóa; tham gia các cuộc thi dành cho học sinh tiểu học	HS được tham gia các hoạt động giáo dục NGLL, giáo dục kỹ năng sống; hoạt động trải nghiệm, ngoại khóa; tham gia các cuộc thi dành cho học sinh tiểu học
V	Kết quả năng lực,	- Năng lực:	- Năng lực:	- Năng lực: 100%	- Năng lực:	- Năng lực:

	phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	100% đạt - Phẩm chất: 100% đạt - Các môn học và hoạt động giáo dục: 100% hoàn thành chương trình lớp học - Sức khỏe: đảm bảo	100% đạt - Phẩm chất: 100% đạt - Các môn học và hoạt động giáo dục: 100% hoàn thành chương trình lớp học - Sức khỏe: đảm bảo	đạt - Phẩm chất: 100% đạt - Các môn học và hoạt động giáo dục: 100% hoàn thành chương trình lớp học - Sức khỏe: đảm bảo	100% đạt - Phẩm chất: 100% đạt - Các môn học và hoạt động giáo dục: 100% hoàn thành chương trình lớp học - Sức khỏe: đảm bảo	100% đạt - Phẩm chất: 100% đạt - Các môn học và hoạt động giáo dục: 100% hoàn thành chương trình lớp học - Sức khỏe: đảm bảo
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Hoàn thành chương trình lớp học - Được lên lớp 2	Hoàn thành chương trình lớp học - Được lên lớp 3	Hoàn thành chương trình lớp học - Được lên lớp 4	Hoàn thành chương trình lớp học - Được lên lớp 5	Hoàn thành chương trình tiểu học - Được lên lớp 6

Gò Vấp, ngày 15 tháng 6 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị



Lê Thị Hồng Nhung

Biểu mẫu 06

UBND QUẬN GÒ VẤP
TRƯỜNG TIỂU HỌC HOÀNG VĂN THỤ

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, năm học 2022 - 2023

ST T	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	1575	307	321	302	304	341
II	Số HS học 2 buổi/ngày	766	189	158	157	106	156
III	Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất	1575	307	321	302	304	341
1	Tốt (Tỷ lệ so với tổng số)	1441-91,5%	275-89,6%	302-94,1%	261-86,4%	285-93,8%	318-93,3%
2	Đạt (Tỷ lệ so với tổng số)	133-8,4%	31-10,1%	19-5,9%	41-13,6%	19-6,2%	23-6,7%
3	Cần cố gắng (Tỷ lệ so với tổng số)	1-0,1%	1-0,3%	0	0	0	0
IV	Số học sinh chia theo kết quả học tập	1575	307	321	302	304	341
1	Lớp 1,2,3	930	307	321	302	/	/
a	Hoàn thành xuất sắc (Tỷ lệ so với tổng số)	585-62,9%	178-58%	261-81,3%	146-48,4%		
b	Hoàn thành tốt (Tỷ lệ so với tổng số)	49-5,3%	30-9,8%	2-0,6%	17-5,6%		
c	Hoàn thành (Tỷ lệ so với tổng số)	287-30,8%	90-29,3%	58-18,1%	139-46%		
d	Chưa hoàn thành (Tỷ lệ so với tổng số)	9-1%	9-2,9%	/	/		
2	Lớp 4,5	645	/	/	/	304	341
a	Hoàn thành tốt (Tỷ lệ so với tổng số)	353-54,7%				174-57,2%	179-52,5%
b	Hoàn thành (Tỷ lệ so với tổng số)	292-45,3%				130-42,8%	162-47,5%
c	Chưa hoàn thành (Tỷ lệ so với tổng số)	0				/	/
V	Tổng hợp kết quả cuối năm	1575	307	321	302	304	341
1	Lên lớp (Tỷ lệ so với tổng số)	1566-99,4%	298-97,1%	321-100%	302-100%	304-100%	341-100%
a	Trong đó: HS được khen thưởng cấp trường (Tỷ lệ so với tổng số)	1239-78,7%	210-68,4%	263-81,9%	163-54%	281-92,4%	322-94,4%

b	HS được cấp trên khen thưởng (Tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
2	Ở lại lớp (Tỷ lệ so với tổng số)	9-0,6%	9-2,9%	/	/	/	/

Gò Vấp, ngày 15 tháng 6 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị



Lê Thị Hồng Nhung

UBND QUẬN GÒ VẤP
TRƯỜNG TIỂU HỌC HOÀNG VĂN THỤ

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học
Năm học 2023 - 2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	28/34	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	24	-
2	Phòng học bán kiên cố	4	-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ, mượn		-
III	Số điểm trường lẻ	0	-
IV	Tổng diện tích đất (m²)	3762	2,3 m ² /HS
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	1645	1,04 m ² /HS
VI	Tổng diện tích các phòng	1618	1,02 m ² /HS
1	Diện tích phòng học (m ²)	1430	0,9m ² /HS
2	Diện tích thư viện (m ²)	48	0,03 m ² /HS
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)		
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	28,8	0,02 m ² /HS
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)		
	Diện tích phòng tin học (m ²)	64,4	0,04 m ² /HS
	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	18	0,01 m ² /HS
	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)		
	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	28,8	0,02 m ² /HS
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	42/34	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	43	1,3 bộ/lớp
1.1	Khối lớp 1	9	1,28 bộ/lớp
1.2	Khối lớp 2	9	1,28 bộ/lớp
1.3	Khối lớp 3	9	1,5 bộ/lớp
1.4	Khối lớp 4	9	1,28 bộ/lớp
1.5	Khối lớp 5	7	1,3 bộ/lớp
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	
2.1	Khối lớp 1		
2.2	Khối lớp 2		

2.3	Khối lớp 3		
2.4	Khối lớp 4		
2.5	Khối lớp 5		
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	76	21 học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		
1	Ti vi	19	0,6 thiết bị/lớp
2	Cát xét	3	0,1 thiết bị/lớp
3	Đầu Video/đầu đĩa	3	0,009 thiết bị/lớp
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	4	0,1 thiết bị/lớp
5	Thiết bị khác...	2	0,06 thiết bị/lớp
6	Bảng tương tác	1	0,03 thiết bị/lớp
	Nội dung	Số lượng (m²)	
X	Nhà bếp	64,4	
XI	Nhà ăn		

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú			
XIII	Khu nội trú			

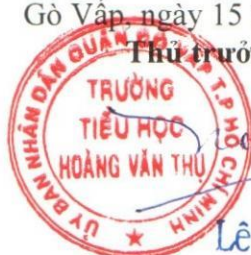
XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	4		8		0.06m ² /HS
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu – điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Gò Vấp, ngày 15 tháng 6 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị



Lê Thị Hồng Nhung

Biểu mẫu 08

UBND QUẬN GÒ VẤP
TRƯỜNG TIỂU HỌC HOÀNG VĂN THỤ

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của trường tiểu học, năm học 2023-2024**

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	50			42	4	3	0	10	13	23	41	5	0	0
I	Giáo viên	43			39	4			10	12	21	39	4	0	0
	Trong đó giáo viên chuyên biệt	7			4	2			2	2	3	7			
1	Tiếng dân tộc														
2	Ngoại ngữ	2			1	1			1	1		2			
3	Tin học	1			1						1	1			
4	Âm nhạc	1				1				1		1			
5	Mỹ thuật	1			1				1			1			
6	Thể dục	2			2						2	2			
II	Cán bộ quản lý	3			2	1				1	2	0	3	0	0
1	Hiệu trưởng	1			1						1		1		
2	Phó hiệu trưởng	2			2					1	1	2			
III	Nhân viên	4				1	3								
1	Nhân viên văn thư	1					1								
2	Nhân viên kế toán	1					1								

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	50			42	4	3	0	10	13	23	41	5	0	0
3	Thủ quỹ	1													
4	Nhân viên y tế	0													
5	Nhân viên thư viện	1				1									
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	0													
7	Nhân viên công nghệ thông tin	0													
8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0					1								

Gò Vấp, ngày 15 tháng 6 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị



Lê Thị Hồng Nhung